

**4. Chọn vị trí duy nhất đúng cho các từ trong ngoặc :**

- a) 我妈妈 A 是大夫, B 姐姐 C 是 D 大夫。(也)
- b) 他 A 跟他爸爸 B 一起 C 去 D 看电视。(没)
- c) A 我们 B 去 C 那个公园 D 散步。(常常)
- d) 我 A 只 B 会说 C 汉语 D。(一点儿)

**5. Trả lời câu hỏi :**

- a) 新年快到了, 人们都忙着什么?
- b) 新年晚会在哪儿举行? 那里怎么样?
- c) 学校领导在会上讲了什么话?
- d) 领导讲了话以后, 大家做什么?
- e) 你们班在晚会上有没有节目?
- f) 那天, 新年晚会开得怎么样? 大家高兴不高兴?

**6. Dựa theo nội dung bài học, kể về Một buổi dạ hội ngoại ngữ.**